

Số: 105 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Xét đề nghị của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam tại Tờ trình số 959/TTr-LMHTXVN ngày 23 tháng 12 năm 2016 về việc phê duyệt Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam do Đại hội toàn quốc Liên Minh Hợp tác xã Việt Nam lần thứ V nhiệm kỳ 2016-2020 thông qua (kèm theo Quyết định này). Điều lệ này thay thế Điều lệ Liên Minh Hợp tác xã Việt Nam do Đại hội đại biểu toàn quốc Liên Minh Hợp tác xã Việt Nam lần thứ III thông qua ngày 27 tháng 01 năm 2005.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 75/2005/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Liên Minh Hợp tác xã Việt Nam và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTgCP, TTĐT, các vụ: KTTH, TCCV, QHĐP, PL, CN;
- Lưu: Văn thư, NN (3b). Thinh 2017

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Vương Đình Huệ

ĐIỀU LỆ
LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 105 /QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2017
của Thủ tướng Chính phủ)*

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, qua hơn nửa thế kỷ hình thành và phát triển, phong trào hợp tác xã ở Việt Nam đã có những đóng góp quan trọng vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Liên minh Hợp tác xã Việt Nam là tổ chức đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các thành viên khác tự nguyện tham gia, thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong xây dựng và phát triển kinh tế tập thể ngày càng vững mạnh, góp phần cùng kinh tế nhà nước trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam hoạt động theo Luật Hợp tác xã, pháp luật về hội và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi

1. Tên tiếng Việt: Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.
2. Tên tiếng Anh: Vietnam Cooperative Alliance.
3. Tên viết tắt: VCA.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam là tổ chức đại diện hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các thành viên khác tự nguyện tham gia, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các tổ chức thành viên, có vai trò dẫn dắt, thúc đẩy sự phát triển phong trào hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, góp phần ổn định chính trị, an sinh xã hội và sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam là tổ chức đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các tổ chức thành viên trong quan hệ với các tổ chức quốc tế.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản và biểu tượng riêng; hoạt động theo pháp luật Việt Nam và theo Điều lệ này.

2. Trụ sở của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam đặt tại thành phố Hà Nội - Thủ đô Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 4. Phạm vi hoạt động

1. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam có phạm vi hoạt động trên toàn quốc.

2. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam là thành viên của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, được gia nhập làm thành viên của các tổ chức tương ứng trong khu vực và quốc tế theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ này.

2. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và quản lý thống nhất của Nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Tự nguyện, dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch, thống nhất mục tiêu và hành động.

4. Hợp tác vì sự phát triển của cộng đồng, của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Chương II CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ

Điều 6. Chức năng

1. Đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các thành viên.

2. Phối hợp với các Bộ, Ngành xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ cá thể; xây dựng các mô hình hợp tác xã kiểu mới gắn với chuỗi giá trị hàng hóa chủ lực trong các lĩnh vực, các ngành, các khu vực và tổng kết, nhân diện rộng.

3. Tuyên truyền, vận động phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã.

4. Thực hiện các chương trình, dự án, dịch vụ công hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được giao.

5. Tham gia xây dựng chính sách, pháp luật về hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

6. Hỗ trợ và cung cấp các dịch vụ cần thiết cho sự hình thành và phát triển của kinh tế tập thể, nòng cốt là hợp tác xã và các thành viên.

7. Đại diện cho các thành viên trong quan hệ hoạt động phối hợp với các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về kinh tế tập thể, nòng cốt là hợp tác xã và văn bản pháp luật khác có

liên quan;

2. Phối hợp thực hiện và xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế tập thể, nòng cốt là hợp tác xã (xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn và kế hoạch hàng năm) và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

3. Thực hiện các dịch vụ công, các hoạt động hỗ trợ, tư vấn, cung cấp dịch vụ cho các thành viên về pháp lý, đầu tư, khoa học - công nghệ, thông tin, tài chính, tín dụng, thị trường, kiểm toán, bảo hiểm, kiểm định chất lượng hàng hóa và các lĩnh vực khác;

4. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên; các tổ chức xã hội khác trong việc tuyên truyền, phổ biến và thực hiện pháp luật về hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; triển khai các chương trình, dự án phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

5. Tập hợp ý kiến, nguyện vọng của các thành viên để đề xuất với Đảng, Nhà nước về các chủ trương, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật và các cơ chế chính sách phát triển kinh tế tập thể, nòng cốt là hợp tác xã;

6. Tuyên truyền, vận động các hộ gia đình, tổ hợp tác, các cơ sở sản xuất nhỏ và vừa phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; tổng kết và phổ biến kinh nghiệm của các hợp tác xã điển hình tiên tiến; tổ chức các phong trào thi đua trong hệ thống Liên minh Hợp tác xã;

7. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, dạy nghề đội ngũ cán bộ trong hệ thống Liên minh Hợp tác xã; cán bộ quản lý, thành viên và người lao động trong các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các thành viên khác thuộc thành phần kinh tế hợp tác, nòng cốt là hợp tác xã;

8. Tổ chức các hoạt động kinh tế vì mục tiêu phát triển hệ thống Liên minh Hợp tác xã và hỗ trợ thành viên;

9. Tham gia các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, phát triển quan hệ hợp tác với các tổ chức ở các nước; tiếp nhận và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án hỗ trợ, khoản viện trợ để phát triển hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã;

10. Huy động các nguồn lực hợp pháp trong và ngoài nước để đầu tư phát triển kinh tế tập thể, nòng cốt là hợp tác xã;

11. Tư vấn, phản biện và giám sát xã hội về các chính sách, chương trình, đề tài, dự án do cơ quan nhà nước yêu cầu về các vấn đề liên quan phát triển kinh tế tập thể, nòng cốt là hợp tác xã và hoạt động của Liên minh Hợp tác xã các cấp;

12. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao hoặc các đơn vị, tổ chức hợp pháp khác giao.

Chương III

THÀNH VIÊN

Điều 8. Thành viên của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam

Liên minh Hợp tác xã Việt Nam có thành viên chính thức và thành viên liên kết.

1. Thành viên chính thức là các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tự nguyện gia nhập và tán thành Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

2. Thành viên liên kết là các tổ hợp tác, các tổ chức kinh tế, xã hội, các hội, hiệp hội ngành nghề, các cơ quan nghiên cứu khoa học, đào tạo, các tổ chức kinh tế khác trong nước tự nguyện gia nhập và tán thành Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

3. Thành viên của Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh đồng thời là thành viên của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam khi tự nguyện gia nhập.

4. Thủ tục gia nhập thành viên được thực hiện theo quy định của Liên minh hợp tác xã Việt Nam.

Điều 9. Quyền của thành viên

1. Được bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được hỗ trợ, tư vấn và cung cấp dịch vụ nhằm tạo điều kiện phát triển sản xuất kinh doanh; được giúp đỡ khi gặp khó khăn.

3. Được hỗ trợ trong việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và người lao động ở trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

4. Được cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực kinh tế, khoa học kỹ thuật, thị trường, tài chính ... được tham gia các hoạt động do hệ thống Liên minh Hợp tác xã tổ chức.

5. Được thảo luận, đề xuất, kiến nghị các vấn đề về chính sách, pháp luật có liên quan; được thảo luận và biểu quyết các công việc của Liên minh Hợp tác xã.

6. Được tham gia đầu tư các nguồn lực vào xây dựng và phát triển kinh tế Liên minh Hợp tác xã Việt Nam đồng thời được hưởng các quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và của pháp luật Việt Nam.

7. Thành viên chính thức được bầu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc; được ứng cử, đề cử, bầu cử vào Ban Chấp hành và Ủy ban Kiểm tra Liên minh Hợp tác xã Việt Nam theo quy định của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

8. Được hệ thống Liên minh Hợp tác xã khen thưởng hoặc đề nghị Nhà nước khen thưởng khi lập thành tích xuất sắc, được hưởng quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định hiện hành của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

9. Được ra khỏi hệ thống Liên minh Hợp tác xã nếu xét thấy không thể tiếp tục là thành viên.

Điều 10. Nghĩa vụ của thành viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, chấp hành Điều lệ Liên minh Hợp tác xã và các Nghị quyết của Đại hội, của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

2. Tham gia các hoạt động của hệ thống Liên minh Hợp tác xã; đoàn kết, hợp tác với các thành viên khác cùng thực hiện những mục tiêu và lợi ích chung của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, của thành viên và của cộng đồng nhằm phát triển bền vững.

3. Bảo vệ uy tín của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, không được nhân danh Liên minh Hợp tác xã Việt Nam trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Liên minh Hợp tác xã Việt Nam ủy quyền bằng văn bản.

4. Thực hiện các chế độ báo cáo, thông tin định kỳ theo quy định của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định.

Điều 11. Chấm dứt tư cách thành viên

Tư cách thành viên chấm dứt khi:

1. Giải thể.
2. Phá sản.
3. Tự nguyện ra khỏi hệ thống Liên minh Hợp tác xã.
4. Bị khai trừ khỏi hệ thống Liên minh Hợp tác xã. Các trường hợp bị khai trừ do Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã Việt Nam quy định cụ thể.
5. Tư cách thành viên chấm dứt kể từ ngày Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh hoặc Liên minh Hợp tác xã Việt Nam ký quyết định chấm dứt theo Nghị quyết của Ban Thường vụ Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh (hoặc Thường trực Liên minh Hợp tác xã Việt Nam quyết định nếu là thành viên cấp quốc gia).

Chương IV **TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam

1. Đại hội toàn quốc.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ủy ban Kiểm tra.
5. Văn phòng, các ban chuyên môn.
6. Các pháp nhân trực thuộc.

Điều 13. Đại hội đại biểu toàn quốc

1. Đại hội đại biểu toàn quốc là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam. Đại hội gồm đại hội thường kỳ và đại hội bất thường.

Đại hội thường kỳ được tổ chức 05 năm một lần, do Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã Việt Nam triệu tập. Đại hội bất thường được triệu tập khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã Việt Nam đề nghị.

2. Đại hội thường kỳ hoặc đại hội bất thường được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; Phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ tới.

b) Thông qua báo cáo tổng kết và phương hướng nhiệm vụ công tác nhiệm kỳ của Ủy Ban kiểm tra.

c) Thảo luận và thông qua Điều lệ sửa đổi, bổ sung.

d) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

đ) Bầu Ban Chấp hành và Ủy ban kiểm tra Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

e) Các nội dung khác (nếu có).

g) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định.

b) Các Nghị quyết của Đại hội được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu tham dự Đại hội đồng ý. Trừ trường hợp quyết định tại Điều 26 Điều lệ này.

Điều 14. Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã Việt Nam

Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã Việt Nam là cơ quan lãnh đạo của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam giữa hai kỳ Đại hội, do Đại hội đại biểu toàn quốc bầu. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ của Đại hội.

1. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội và Điều lệ này.

b) Lãnh đạo việc chuẩn bị các nội dung Đại hội và triệu tập Đại hội theo quy định của Điều lệ.

c) Quyết định chiến lược, chương trình hoạt động dài hạn, trung hạn, kế hoạch công tác hàng năm của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

d) Ban hành quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ủy ban kiểm tra.

đ) Bầu Ban Thường vụ; bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và ủy viên Ban Thường vụ.

2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành

a) Hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và theo Điều lệ này.

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 02 (hai) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành.

c) Các cuộc họp, hội nghị của Ban Chấp hành là hợp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp.

d) Các Nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành (hình thức biểu quyết có thể giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, do hội nghị quyết định). Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

đ) Khi Ủy viên Ban chấp hành không còn giữ chức vụ trong tổ chức của mình thì đương nhiên không giữ chức Ủy viên Ban Chấp hành; người kế nhiệm sẽ được Ban Chấp hành bầu bổ sung.

Điều 15. Ban Thường vụ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam

1. Ban Thường vụ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam là cơ quan lãnh đạo của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành, do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội và Điều lệ này; tổ chức thực hiện nghị quyết của Ban Chấp hành.

b) Hướng dẫn xây dựng Quy chế, tổ chức bộ máy hoạt động của Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh.

c) Chuẩn bị chương trình, nội dung hội nghị Ban Chấp hành và Đại hội đại biểu toàn quốc Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

d) Triệu tập và chủ trì các kỳ họp thường kỳ và bất thường của Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

d) Quyết định việc Liên minh Hợp tác xã Việt Nam tham gia các tổ chức trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật.

e) Ban hành quy chế khen thưởng, kỷ luật và xét khen thưởng, kỷ luật và đề nghị Nhà nước khen thưởng, kỷ luật.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và điều lệ này.

b) Ban Thường vụ họp thường kỳ 03 (ba) tháng 01 (một) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Thường vụ.

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp.

d) Các Nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành (hình thức biểu quyết có thể giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, do hội nghị quyết định). Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

Điều 16. Thường trực Liên minh Hợp tác xã Việt Nam

1. Thường trực Liên minh Hợp tác xã Việt Nam gồm Chủ tịch và các Phó Chủ tịch.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực:

a) Điều hành, giải quyết công việc hàng ngày, thường xuyên của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

b) Chuẩn bị các nội dung, chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Thường vụ.

c) Chủ trì, chủ động phối hợp các Ban, Bộ, Ngành, đoàn thể Trung ương và các địa phương để quán triệt, tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết, các chính sách có liên quan đến kinh tế tập thể, nòng cốt là hợp tác xã.

d) Hướng dẫn và kiểm tra hoạt động của Liên minh Hợp tác xã các cấp và tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

đ) Tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động của bộ máy chuyên trách.

e) Phối hợp, kiểm tra, đôn đốc các dự án, chương trình trọng điểm, các thành viên liên kết các cấp.

Điều 17. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam

1. Chủ tịch và các Phó Chủ tịch của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Thường vụ.

2. Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam là người đại diện theo pháp luật của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi

hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước Đảng, Nhà nước, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ về mọi hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam theo nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và theo quy định của Điều lệ này.

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ.

d) Chủ trì hoặc phối hợp với một số đồng chí Phó Chủ tịch Liên minh HTX Việt Nam kiểm tra, đôn đốc các hoạt động của Liên minh, các ban, đơn vị; các chương trình dự án, các vùng miền và tỉnh, thành phố. Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản.

đ) Khi Chủ tịch vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc được ủy quyền bằng văn bản cho 01 (một) Phó Chủ tịch.

4. Các Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch chỉ đạo, điều hành công tác theo sự phân công của Chủ tịch; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch phân công hoặc Ủy quyền. Phó Chủ tịch thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ phù hợp với Điều lệ này và quy định của pháp luật.

Điều 18. Bộ máy chuyên trách của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam

Cơ quan Liên minh Hợp tác xã Việt Nam là bộ máy chuyên trách của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, bao gồm văn phòng, các ban chuyên môn và các pháp nhân trực thuộc do Thường trực Liên minh Hợp tác xã Việt Nam quyết định.

Điều 19. Hội đồng tư vấn của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam

Ban Thường vụ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam được tổ chức Hội đồng tư vấn để tranh thủ ý kiến của các chuyên gia, các nhà khoa học, các cán bộ có kinh nghiệm và tâm huyết có đủ năng lực, phẩm chất, phù hợp khu vực kinh tế tập thể, nòng cốt là hợp tác xã. Quy chế tổ chức, hoạt động của Hội đồng tư vấn do Ban Thường vụ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam quy định.

Điều 20. Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh

Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh thuộc hệ thống tổ chức của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, được tổ chức, hoạt động theo Điều lệ do Đại hội Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh thông qua. Điều lệ của Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh phải phù hợp với Điều lệ của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

Chương V

ỦY BAN KIỂM TRA

Điều 21. Ủy ban Kiểm tra của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam

1. Ủy ban Kiểm tra của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam do Đại hội đại biểu Liên minh Hợp tác xã Việt Nam bầu.

Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra là Ủy viên Ban Thường vụ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, do Ủy ban Kiểm tra bầu trong số Ủy viên Ủy ban Kiểm tra. Phó Chủ nhiệm (không chuyên trách) Ủy ban Kiểm tra do Ủy ban Kiểm tra bầu trong số các Ủy viên Ủy ban Kiểm tra.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban Kiểm tra

a) Giám sát và kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội và Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

b) Giám sát thực hiện các chương trình, các nghị quyết, các Đề án và các chủ trương Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; giám sát và kiểm tra hoạt động tài chính của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam (trừ phần ngân sách nhà nước cấp).

c) Kiến nghị với Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã Việt Nam các hình thức kỷ luật đối với các tập thể và cá nhân khi có sai phạm.

d) Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các thành viên.

đ) Tiếp nhận đơn thư tố cáo, khiếu nại; tham mưu đề xuất giải quyết báo cáo Ban Thường vụ, Ban Chấp hành theo quy định của pháp luật;

e) Báo cáo trước Đại hội và Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã Việt Nam về kết quả và phương hướng công tác của Ủy ban kiểm tra.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ủy ban Kiểm tra

Ủy ban Kiểm tra các cấp hoạt động theo Quy chế do Ủy ban Kiểm tra cùng cấp xây dựng và được Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã Việt Nam phê duyệt.

Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm tra Liên minh hợp tác xã cấp tỉnh phải phù hợp với Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm tra Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

Chương VI

TÀI SẢN, TÀI CHÍNH

Điều 22. Tài sản, tài chính của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam

1. Tài sản

Tài sản gồm trụ sở văn phòng các cơ quan, đơn vị, pháp nhân trực thuộc có nguồn vốn đầu tư ngân sách nhà nước và của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam được

hình thành từ nguồn kinh phí của cơ quan, do Nhà nước cấp và do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước viện trợ, tài trợ, tặng theo quy định của pháp luật.

2. Tài chính

a) Nguồn thu:

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ theo Luật Ngân sách Nhà nước và pháp luật về Hội để thực hiện nhiệm vụ do Đảng và Nhà nước giao.

- Hội phí do thành viên đóng góp.

- Thu từ hoạt động kinh tế và dịch vụ của Liên minh Hợp tác xã và các đơn vị trực thuộc.

- Các khoản đóng góp, ủng hộ, tài trợ của các thành viên, hiệp hội, doanh nghiệp, các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước.

- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Khoản chi:

Chi các hoạt động nhằm phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế hợp tác, nòng cốt hợp tác xã và bảo đảm các hoạt động của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

Điều 23. Quản lý, sử dụng tài sản, tài chính

Thường trực Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chịu trách nhiệm quản lý tài sản và tài chính theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm, phù hợp với quy định của pháp luật, tôn chỉ, mục đích hoạt động và chức năng, nhiệm vụ của Liên minh Hợp tác xã các cấp.

Chương VII **KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT**

Điều 24. Khen thưởng

Các thành viên, cán bộ và người lao động; các tổ chức và cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được Liên minh Hợp tác xã Việt Nam khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng theo quy định hiện hành.

Điều 25. Kỷ luật

Các tổ chức, cá nhân hoạt động trong hệ thống tổ chức của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam vi phạm Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội và Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã các cấp, vi phạm pháp luật, làm ảnh hưởng đến uy tín, gây thiệt hại về vật chất cho Liên minh Hợp tác xã Việt Nam đều bị xem xét và có hình thức xử lý thích hợp phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Đại hội đại biểu toàn quốc Liên minh Hợp tác xã Việt Nam có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được trên 2/3 (hai phần ba) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Ban Chấp hành Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chịu trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn thi hành Điều lệ này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Vương Đình Huệ